

ĐỀ BÌNH PHƯỚC

Circle the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions. (0.6 point)

- Question 1. A. needed B. planted C. decided D. stayed
A. /'ni:did/ B. /'plæntid/ C. /dɪ'saɪdɪd/ D. /steɪd/
- Question 2. A. watch B. scholarship C. Children D. teacher
A. /wɒtʃ/ B. /'skɒləʃɪp/ C. /tʃɪldrən/ D. /'ti:tʃə(r)/
- Question 3. A. sign B. high C. sit D. mind
A. /sɪn/ B. /haɪ/ C. /sɪt/ D. /maɪnd/

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (2.4 points)

Question 4. She likes watching the stars _____ night.

- A. at B. on C. for D. in

- at night: vào ban đêm

Question 5. She suggested _____ to visit the countryside on Sunday.

- A. to go B. went C. gone D. going

- suggest + V-ing: đề nghị

Question 6. Mr. John didn't go to work yesterday, _____?

- A. did he B. didn't he C. did she D. didn't she

- Cấu trúc câu hỏi đuôi: "Mr John didn't" --> did he

Question 7. If I _____ you, I would study harder.

- A. have been B. were C. am D. are

- Câu điều kiện loại 2 được sử dụng để diễn tả những tình huống không có thật, không thể xảy ra trong tương lai và giả định kết quả nếu nó có thể xảy ra.

- If + S + V2/-ed, S + would/could/... + V

Question 8. The man _____ is talking to Mrs. Lan is my uncle.

- A. whose B. who C. which D. when

- Đại từ quan hệ: 'who' Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ người.
- Đại từ quan hệ "who" thay thế cho "the man"

Question 9. She _____ English since she was 5 years old.

- A. learns B. learned C. has learned D. learning

- S + V (HTHT) since S + V (QKD)

Question 10. Viet Nam has a tropical _____.

A. temperature B. weather C. degree **D. climate**

- tropical climate /'trɒpɪkl/ /'klaɪmət/ (n): khí hậu nhiệt đới

Question 11. My family has decided _____ Da lat in the summer.

A. to visit B. visit C. visited D. visits

- decide + to V: quyết định làm gì

Question 12. The baby laughed _____ when her mother gave her a funny toy.

A. happy **B. happily** C. happiness D. unhappy

- Trạng từ bổ nghĩa cho động từ thường
- happy /'hæpi/ (adj): vui vẻ
- happily /'hæpɪli/ (adv): 1 cách vui vẻ
- happiness /'hæpɪnəs/ (n): sự vui vẻ
- unhappy /ʌn'hæpi/ (adj): không vui

Question 13. All of us like learning English _____ it is very interesting.

A. so **B. because** C. but D. however

- So: vì vậy
- Because: bởi vì
- But: nhưng
- However: tuy nhiên

Question 14. – Anna: “I’ve passed my exam” – Bill: “ _____ ”

A. good luck **Chúc may mắn** B. It’s nice of you to say so **Cảm ơn vì đã khen tở.**
C. That’s a good idea **Đó là một ý kiến hay** **D. Congratulation! Chúc mừng**

Question 15. – Peter “Would you like to go to the movie with me tonight” – Carol: “ _____ ”

A. Thank you. It’s really encouraging **Cảm ơn bạn. Điều đó thực sự đáng khích lệ.**
B. You’re welcome **Không có gì**
C. Yes, I’d love to **Vâng, tôi rất sẵn lòng.**
D. No, I don’t like **Không, tôi không thích**

Circle the letter A, B, C, or D to indicate the underlined part that needs correcting in each of the following questions. (0.6 point)

Question 16. Tet is a festival who occurs in late January or early February

A B CD

- “who” □ “which”
- Đại từ quan hệ:
‘who’ Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ người.
‘which’ Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ vật.

Question 17. Lan used to walking past the mosque or her way to primary school.

A B C D

- “walking” □ “to walk”
- used to + V₀: đã từng

Question 18. Although it rained heavy, they went out last night.

- A B **C** D
-

“heavy” □ “heavily”

Trạng từ bỏ nghĩa cho động từ thường

Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks from 26-30. (1.2 points)

I (19) _____ from Switzerland. I came to London six months ago to learn English. I haven't met many English people (20) _____, only my teachers. I started (21) _____ English at school in Switzerland when I was eleven, so I have learnt it for nearly ten years. At first (22) _____ London, I couldn't (23) _____ anything, but now my English is improved. I have just taken an exam. If I pass it, I will move into the next class. I'm (24) _____ today because my parents will come tomorrow to stay with me for a few days and I haven't seen them for a long time. They have never been to England and they can't speak English.

Question 19. A. have come B. am coming C. had come **D. come**

- Thi hiện tại đơn diễn tả 1 sự thật

Question 20. A. just B. already **C. yet**
D. since

- Have not/ has not, và “yet” được đặt cuối câu: vẫn chưa

Question 21. A. learn B. learned C. learns **D. learning**

- Start + V-ing: bắt đầu

Question 22. **A. in** B. at C. on D. from

- In + thành phố, quốc gia

Question 23. A. watch **B. understand** C. listen D. hear

- Watch /wɒtʃ/ (v): xem
- Understand /ˌʌndə'stænd/ (v): hiểu
- Listen /'lɪsn/ (v): nghe
- Hear /hɪə(r)/ (v): nghe

Question 24. A. excite B. exciting **C. excited** D. excitement

- be + adj
- excite /ɪk'saɪt/ (v): kích thích, hào hứng
- exciting /ɪk'saɪtɪŋ/ (adj): gây cảm giác hứng thú
- excited /ɪk'saɪtɪd/ (adj): hào hứng, hứng thú
- excitement /ɪk'saɪtmənt/ (n): sự hào hứng

Put each word in capital letters into the correct form so that It can fit the gap in each sentence below. (0,8 point)

Question 25. He wants to decorate his room before Tet. (**decoration**)

- decoration /ˌdekə'reɪʃn/ (n): sự trang trí □ decorate /'dekəreɪt/ (v): trang trí
- want to V₀

Question 26. He drives his car carelessly and he often causes accidents. (**care**)

- care /keə(r)/ (n): sự cẩn thận □ carelessly /'keələsli/ (adv): 1 cách bất cẩn
- Trạng từ bỏ nghĩa cho động từ thường

Question 27. They are meeting to find ways to protect the forests from **deforestation**. (**forest**)

- forest /'fɒrɪst/ (n): rừng □ deforestation /,diːˌfɒrɪ'steɪʃn/ (n): sự phá rừng

Question 28. The journey is very **interesting**. (**interest**)

- interest /'ɪntrəst/ (n): sự quan tâm □ interesting /'ɪntrestɪŋ/ (adj): thú vị
- be + adj

Read the following passage and answer the questions. (0.8 point)

Energy is very important in modern life. People use energy to run machines, heat and cool their homes, cook, give light, transport people and products from place to place. Most energy nowadays comes from fossil fuels such as petroleum, coal and natural gas. However, burning fossil fuels causes pollution. Also, if we don't find new kinds of energy, we will use up all the fossil fuels in the twenty-first century. Scientists are working to find other kinds of energy for the future. What might these sources of energy be?

Question 29. Energy is not used to run machines, heat, cool their homes and cook. **False**

- KEY: People use energy to run machines, heat and cool their homes, cook, give light, transport people and products from place to place

Question 30. Most energy comes from natural resources. **True**

- KEY: Most energy nowadays comes from fossil fuels such as petroleum, coal and natural gas

Question 31. Burning fossil fuels doesn't cause pollution. **False**

- KEY: burning fossil fuels causes pollution

Question 32. Scientists are trying their best to find other kinds of energy for the future. **True**

- KEY: Scientists are working to find other kinds of energy for the future

Rewrite each of the sentences below in such a way that it means exactly the same as the one given before it. (4,0 points)

Question 33. The shirt is too small for me. I bought it yesterday. (**Relative pronouns**)

□ The shirt, which I bought yesterday, is too small for me.

- Đại từ quan hệ 'which' Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ vật.
- "which" thay thế cho "the shirt"

Question 34. We tried to invite him to the party. He didn't come. (**Even though**)

□ **Even though** we tried to invite him to the party, he didn't come.

- Even though: mặc dù
- Chúng tôi đã cố gắng mời anh ấy đến bữa tiệc. Anh ấy đã không đến. □ Mặc dù chúng tôi đã cố gắng mời anh ấy dự tiệc nhưng anh ấy không đến.

Question 35. "Where do you live?" said Ann (**Reported speech**)

□ Ann asked me where I lived.

-

S + ask(ed) O + từ đặt câu hỏi (wh-question) + mệnh đề (lười thì)

Question 36. They built the church in the 18th century. (**Passive voice**)

□ The church was built in the 18th century.

S + be (chia) + V3/ed + by S.O (S.O: đối tượng bị tác động bởi hành động)

----- THE END -----